

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành
trong lĩnh vực Quản lý công sản**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền thu hồi; thanh lý; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-BTC ngày 03/6/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực Quản lý công sản.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, HCC, CB;
- Lưu: VT, Hcc2, Hcc4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực
Quản lý công sản.

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết
1.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý công sản	Sở Xây dựng
2.	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý công sản	Sở Xây dựng
3.	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ	Quản lý công sản	Sở Xây dựng, UBND cấp xã
4.	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Quản lý công sản	Sở Xây dựng

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực quản lý công sản.

1. Tên thủ tục: “Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”.

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP, cơ quan quản lý đường bộ ở cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản (trừ tài sản đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản), báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản: 01 bản sao.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản; cơ quan, đơn vị dự kiến được giao quản lý tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 6, Điều 7 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2. Tên thủ tục “Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”.

2.1. Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

2.1.1. Lập, phê duyệt đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

C2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 02B.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 14 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 8 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.2. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

2.2.1. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- d. Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.
- đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.
- e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng.
- g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản.
- h. Phí, lệ phí:** Không quy định
- i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu 02C.
- k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định
- l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

2.3. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

2.3.1. Lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt.

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản sao;

- Đề án khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02D tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao; Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 02D.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 15 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3. Tên thủ tục: “Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ”.

3.1. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ (quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; Điều 2 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh).

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP và quy định tại Điều 2 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP và quy định tại Điều 2 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND, xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản sao;
- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP): 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP : 01 bản chính;
- Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, UBND cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 21 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 13 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; Điều 2 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh.

3.2. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

3.2.1. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh, hoặc từ UBND cấp tỉnh sang Bộ, cơ quan trung ương, địa phương khác:

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần điều chuyển, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan,

người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản sao;

- Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản chính và văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó về việc đề nghị được tiếp nhận tài sản: 01 bản sao.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại đường bộ thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản và cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận đó;

- Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (trong trường hợp điều chuyển theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP): 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 22 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.3. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần chuyển giao, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định chuyển giao tài sản theo thẩm quyền.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản sao;

- Ý kiến của UBND cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): 01 bản sao;

- Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 23 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 15 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

3.4. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP và Điều 3 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP và Điều 3 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND xem xét, quyết định thanh lý tài sản.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, UBND cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 24 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 16 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; Điều 3 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh.

3.5. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP và quy định tại Điều 4 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND xem xét, quyết định.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 25 khoản 2 Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP và quy định tại Điều 4 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.
- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: 01 bản sao;
- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;
- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/22024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;
- Hồ sơ chứng minh tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, UBND cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 25 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, khoản 13 Điều 22 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ; Điều 4 Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 25/9/2025 của UBND tỉnh.

4. Tên thủ tục: *“Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương pháp đối tác công tư”.*

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan, đơn vị quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.
- Qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án): 01 bản chính;

- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, đơn vị quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao;

- Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan, đơn vị quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

- Danh mục tài sản đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 99/2026/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, đơn vị quản lý tài sản.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu 01C.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 28 Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 19 Nghị định số 99/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ.

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

....., ngày ... tháng ... năm

**DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
ĐƯỜNG BỘ ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ/SỬ DỤNG ĐỂ THAM GIA DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO
PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ**

1. Danh mục tài sản đề nghị xử lý/sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/ cấp/ hạng	Số lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)			Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Lý do xử lý ¹ / sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe...	Nguyên giá	Giá trị còn lại (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

Các hồ sơ liên quan đến việc xử lý/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:

.....

3. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)

.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ TÀI
SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Ghi cụ thể thuộc trường hợp nào tương ứng với từng hình thức xử lý tài sản.

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐATP

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi...) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

3. Phương thức tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.

6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....
.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐACT

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến cho thuê quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi...) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.
2. Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:
3. Phương thức tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản.
4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản.
5. Điều kiện của tổ chức tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.

7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.

8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản:

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02D

BỘ XÂY DỰNG/
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
CƠ QUAN

Số: .../...-ĐACN

....., ngày ... tháng ... năm

ĐỀ ÁN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ

(Phương thức: Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản)

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Thông tin về cơ quan lập Đề án khai thác tài sản

- Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan lập Đề án khai thác tài sản theo quy định của pháp luật;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng.

b) Hồ sơ pháp lý về tài sản dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác: Quyết định giao tài sản của Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản...

c) Đánh giá thực trạng về hiệu quả quản lý, khai thác tài sản đang thực hiện thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, đối với tài sản đề xuất dự kiến thực hiện phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác, cần nêu cụ thể các thông tin:

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng Đề án (doanh thu, chi phí, nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi...) của cơ quan quản lý tài sản (nếu có);
- Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thông tin chủ yếu về tài sản, gồm: Tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản.

2. Nội dung dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.
4. Phương thức tổ chức thực hiện; cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.
5. Điều kiện của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tham gia đấu giá.
6. Phương thức thanh toán.
7. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: Doanh thu, chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; số tiền nộp ngân sách nhà nước.
8. Nguyên tắc xử lý khi kết thúc thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)